

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày 27-11- 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Huê

Ông Trần Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn X, xã DX, huyện D, Khánh Hòa.

Bà T có mặt.

Bị đơn: Ông Hứa Gia T - sinh năm 1981

Bà Trịnh Thị Khánh L, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã DX, huyện D, Khánh Hòa. Ông T và bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/6/2019; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:

Do có sự quen biết nên vợ chồng ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L có mượn của bà số tiền 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng); bà giao tiền cho ông T và bà L hai lần, lần thứ nhất giao vào đầu năm 2017 với số tiền 200.000.000đ, sau đó đến đầu năm 2018 ông T, bà L mượn tiếp nên bà giao cho ông T, bà L số tiền 310.000.000đ, cả hai lần giao tiền này đều không viết giấy mượn tiền. Đến ngày 30/8/2018, do nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông T, bà L chưa trả được nên bà L viết cho bà giấy mượn tiền rồi các bên cùng ký ghi rõ họ tên, cam kết trong vòng 03 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền mượn cho bà; hai bên không thỏa thuận lãi và không thể chấp giấy tờ, tài sản gì khác. Sau 03 tháng vợ

chồng ông T, bà L không trả tiền cho bà như đã cam kết. Bà đã đòi vợ chồng ông T, bà L rất nhiều lần nhưng đến thời điểm hiện nay vợ chồng ông T, bà L vẫn chưa trả nợ cho bà; nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D xét xử buộc vợ chồng ông Hứa Gia T, bà Trịnh Thị Khánh L trả cho bà số tiền 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng), bà không yêu cầu ông T, bà L trả lãi.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L không đến Tòa làm việc, không có lời khai.*

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có lời khai, không đến Tòa làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX thu thập thêm chứng cứ để đảm bảo cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Mai Thị T yêu cầu bị đơn ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L có địa chỉ tại thôn X, xã DX, huyện D, tỉnh Khánh Hòa trả lại số tiền vay của bà là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng), các bên có lập giấy mượn tiền và ký tên; yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L tham gia phiên tòa nhưng ông T và bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[4]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Mai Thị T yêu cầu vợ chồng ông Hứa Gia T, bà Trịnh Thị Khánh L trả số tiền vay 510.000.000đ đã mượn có giấy mượn nợ vào ngày 30/8/2019, vì đã hết thời gian cam kết trả nợ nhưng ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T không yêu cầu trả lãi vì không có thỏa thuận tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ngày 30/8/2018 có chữ ký của vợ chồng ông T, bà L. HĐXX xét ông T, bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp nhưng ông T và bà Ly đều không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ

mà nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa thì xét quan hệ vay tiền giữa bị đơn với nguyên đơn là có thật. Bị đơn đã biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa để giải quyết vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc bị đơn ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L phải trả cho nguyên đơn bà Mai Thị T số tiền nợ là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên HĐXX không xét.

[6]. Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả 510.000.000đ là: 20.000.000đ với 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đ, được tính như sau: 20.000.000đ + (4% x 110.000.000đ) = 24.400.000đ, hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Mai Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L trả cho bà Mai Thị T số tiền 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Hứa Gia T và bà Trịnh Thị Khánh L nộp 24.400.000đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007104 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - Khánh Hòa.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Ân